TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU,** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 19-12-2023
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trương Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hoàng Khởi

Bà Vũ Thị Mỹ Linh

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thúy Kiều, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 19 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau. Xét xử sơ thẩm vụ án dân sự tranh chấp hôn nhân gia đình thụ lý số: 592/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc L1; Sinh năm: 2003; Địa chỉ: ấp C, xã L, thành phố C, tỉnh C, (có mặt).

Bị đơn: Anh Trần Quốc L2; Sinh năm: 1999; Địa chỉ: ấp T, xã H, thành phố C, tỉnh C, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Ngọc L1 trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Trần Quốc L2 kết hôn với nhau năm 2022. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau. Quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau, có lần anh L2 đánh, gây thương tích cho chị. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh L2.

Về con chung: Chị xác định không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại biên bản hòa anh Trần Quốc L2 trình bày:

Về hôn nhân: Về thời gian chung sống, nới đăng ký kết hôn đúng như chị L1 trình bày. Nay chị L1 yêu cầu ly hôn, anh không đồng ý vì vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương vợ anh.

Về con chung: Anh xác định không có.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Trần Quốc L2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh là đúng quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị L1 và anh L2 xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Trần Ngọc L1 với anh Trần Quốc L2, Hội đồng xét xử thấy rằng, hôn nhân phải được xây dựng và vun đắp từ hai phía, bằng tình nghĩa, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Nay chị L1 xác định anh không còn tình cảm với anh L2 nên chị không thể duy trì quan hệ hôn nhân với anh L2 cũng như không thể thực hiện các nghĩa vụ của một người vợ đối với chồng. Tại phiên tòa, mặc dù được Hội đồng xét xử hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị L1 cương quyết ly hôn. Anh L2 muốn được hàn gắn nhưng lại không đưa ra được giải pháp gì để hàn gắn, cũng như không có phương pháp để vun đắp tình nghĩa vợ chồng. Xét thấy, hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L1 về việc ly hôn với anh L2.

[3] Về con chung: Anh chị xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Anh chị xác định anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Anh chị xác định anh chị không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc L1 được ly hôn với anh Trần Quốc L2. (Theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 168/2022 ngày 06/12/2022 của UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau).

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

4. Về nợ chung: Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Chị L1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình số tiền 300.000 đồng, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008462 ngày 13/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cà Mau.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Trương Thanh Quốc